TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ ĐỨC PHỔ** **TỈNH QUẢNG NGÃI** Bản án số: 34 /2022/HNGĐ-ST Ngày: 27- 12 - 2022 V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung khi ly hôn"	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐỨC PHỔ, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Minh Trung
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Phạm Hòa
2. Bà Lê Thị hạnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Dung- Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên toà: Ông Trần Văn Hùng- Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 159/2022/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 10 năm 2022 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 101/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Thúy K – Sinh năm 1986
Địa chỉ HKTT: Tổ dân phố An N, phường Phổ N, thị xã ĐP, tỉnh Q ng.
Nơi cư trú hiện nay: Thôn An Tây Đ, xã Phổ Nh, thị xã ĐP, tỉnh Q ng.
- *Bị đơn:* Ông Nguyễn An Kh, sinh năm 1984
Địa chỉ HKTT: Tổ dân phố An N, phường Phổ N, thị xã ĐP, tỉnh Q ng;
Nơi cư trú hiện nay: Khu Phố 3, phường Bửu H, thành phố BH, tỉnh ĐN.

Nguyên đơn có mặt; bị đơn vắng mặt và có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 04/08/2022 và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thúy K trình bày:

Bà và ông Nguyễn An K kết hôn vào ngày 18 tháng 5 năm 2012, đăng ký kết

hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Phổ N (nay là phường Phổ N). Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2013 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng bà sống ly thân từ năm 2013 đến nay. Bà K xác định vợ chồng đã không còn tình cảm, không thể hàn gắn để tiếp tục sống chung với ông K nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông K.

Về con chung: Vợ chồng bà có 01 con chung tên Nguyễn Thị Hồng D, sinh ngày 05/5/2013; Hiện tại con chung ở với mẹ. Nếu vợ chồng ly hôn bà yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục con chung và không yêu cầu ông K cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung : Không có, không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về nợ chung: Không có

Trong bản tự khai bị đơn ông Nguyễn An K trình bày: Ông và bà Nguyễn Thị Thúy K kết hôn vào ngày 18 tháng 5 năm 2012, đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Phổ N (nay là phường Phổ N). Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2013 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, không có hướng khắc phục. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2013 đến nay. Ông K xác định vợ chồng đã không còn tình cảm, không thể hàn gắn để tiếp tục sống chung với nhau nên bà K yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn thì ông cũng đồng ý .

Về con chung: Vợ chồng ông có 01 con chung tên Nguyễn Thị Hồng D, sinh ngày 05/5/2013. Hiện tại con chung ở với mẹ. Nếu vợ chồng ly hôn con có nguyện vọng ở với mẹ thì ông đồng ý giao con cho bà K tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về nợ chung: Không có

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên theo quy định tại Điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự:

Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Thúy K, giao con chung tên Nguyễn Thị Hồng D, sinh ngày 05/5/2013 cho bà K trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục; bà K không yêu cầu cấp dưỡng cho con nên không xét. Tài sản chung không yêu cầu Tòa giải quyết, nợ chung các đương sự khai không có nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thúy K có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn ông Nguyễn An K có địa chỉ HKTT: Tổ dân phố An N, phường Phổ N, thị xã ĐP, tỉnh Q Ng; Nơi cư trú hiện nay: Nhà số 37/47 Đường

Nguyễn Tri P, Khu Phố 3, phường Bửu H, thành phố BH, tỉnh ĐN. Tuy nhiên nguyên đơn và bị đơn có văn bản thỏa thuận lựa chọn Tòa án nhân dân thị xã ĐP giải quyết; căn cứ vào khoản 1 Điều 28 và điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã ĐP, tỉnh QNg.

[2] Về tố tụng: Bị đơn ông Nguyễn An K đã được triệu tập hợp lệ nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thúy K và ông Nguyễn An K tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 18/5/2012 tại Ủy ban nhân dân xã Phổ N (nay là phường Phổ N), do vậy quan hệ hôn nhân giữa bà K và ông K là hoàn toàn hợp pháp. Trong thời gian chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống. Bà K và ông K sống ly thân từ năm 2013 đến nay và cả hai bên đều đã không còn quan tâm đến nhau. Tòa án đã triệu tập ông K đến Tòa án để tham gia hòa giải nhưng ông K không có mặt, ông K có văn bản đồng ý ly hôn. Điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa bà Kiều và ông Khương đã ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho bà K được ly hôn ông K.

[3.2] Về con chung: Vợ chồng bà Nguyễn Thị Thúy K và ông Nguyễn An K có 01 con chung tên Nguyễn Thị Hồng D, sinh ngày 05/5/2013, hiện con đang ở với mẹ; bà K yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu ông K cấp dưỡng cho con. Xét thấy con chung đang sống với bà K và có nguyện vọng được sống cùng với mẹ; ông K cũng đồng ý giao con cho bà K tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục. Do vậy để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con chung, căn cứ vào Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà K, giao con chung tên Nguyễn Thị Hồng D cho bà K tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục; bà K không yêu cầu cấp dưỡng cho con nên không xem xét.

[3.3] Về tài sản chung: Ông K và bà K khai không có, không yêu cầu Tòa giải quyết nên Tòa không xét.

[3.4] Về nợ chung: Bà K và ông K khai không có nên Tòa không xét.

[4] Về án phí: Căn cứ theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; bà Nguyễn Thị Thúy K phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[5] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, điểm b Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội,

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho bà Nguyễn Thị Thúy K được ly hôn ông Nguyễn An K.

2. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Thị Hồng D, sinh ngày 05/5/2013 cho bà Nguyễn Thị Thúy K trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục; bà K không yêu cầu cấp dưỡng cho con nên không xem xét.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Sau khi ly hôn đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình.

3.Về tài sản chung: Bà K, ông K khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

4.Về nợ chung: Bà K, ông K khai không có nên không xét.

5. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thúy K phải chịu 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0004090 ngày 25 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã ĐP, tỉnh QNg.

6. Về quyền kháng cáo: nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Phạm Minh Trung

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Hòa **Lê Thị Hạnh** **Phạm Minh Trung**